TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2023/HNGĐ- ST
Ngày 15/11/20235
V/v "Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Lượng

2. Ông Hoàng Thanh Nghệ

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*:** Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 452/2022/TLST- HNGĐ, ngày 27 tháng 10 năm 2022 *"Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 14/7/2023; quyết định hoãn phiên tòa số 48/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2023; số 51/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2023; số 55/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/10/2023;thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 31/10/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã HP, huyện S, tỉnh T (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng S, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã HP, huyện S, tỉnh T (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hồng S đăng ký kết hôn vào ngày 30/3/2019 tại UBND xã HP, huyện S. Anh chị đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, tự do tìm hiểu và không bị ai cưỡng ép, lừa dối kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chị làm ăn sinh sống ở thành phố H. Cuộc sống chung thời gian đầu hạnh phúc,

đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, xảy ra cãi vã không tháo gỡ, không hóa giải được. Bản thân anh S không tu chí làm ăn, chơi bời cờ bạc rồi vay lãi tín dụng đen. Đã nhiều lần tổ chức tín dụng đen nhắn tin, gọi điện dọa dẫm chị. Sau khi phát sinh mâu thuẫn hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Hiện tại anh S đã nghỉ làm ở H và về quê ở xã HP, huyện S, tỉnh T làm ăn sinh sống. Bản thân chị vẫn ở lại làm ăn sinh sống ở H. Đến tháng 7 năm 2022 chị và anh S chính thức ly thân đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, không có quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau nữa. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên đề nghị Toà án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Hồng S.

1.2. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung tên là Nguyễn Khánh L, sinh ngày .../.../2019. Hiện tại cháu đang ở cùng chị và đang học trường mầm non tại thành phố H. Bản thân chị hiện tại là công nhân làm việc tại tổng công ty ... tại H với mức lương 03 tháng đầu năm 2023 là 63.118.863đ/ bằng 21.039.621đ/tháng. Đặc thù công việc của chị mỗi tuần sẽ phải làm 01 ca đêm, nhưng chị có chị gái là chị H và mẹ đẻ là bà H1 hỗ trợ chị trong việc trông nom cháu L. Hai mẹ con chị hiện đang ở nhà trọ và đã đăng ký tạm trú theo quy định, tiện nghi và thiết bị sinh hoạt đều đầy đủ, đảm bảo điều kiện sống cho cả hai mẹ con. Do vậy, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con và không có yêu cầu cấp dưỡng.

1.3. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

2. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Nguyễn Hồng S trình bày:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị N được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 30/3/2019 tại UBND xã HP, huyện S. Sau ngày cưới vợ chồng anh làm ăn sinh sống tại thành phố H. Cuộc sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng, đến tháng 7 năm 2022 thì ly thân. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

2.2. Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung tên là Nguyễn Khánh L, sinh ngày .../.../2019. Hiện nay cháu L đang ở cùng chị N. Anh S xác định chị N không có đủ điều kiện nuôi con, hiện hai mẹ con phải thuê nhà trọ tại H, chị N đi làm công nhân, tuần nào cũng phải làm ca đêm, không có ai phụ giúp trông nom con cái. Còn bản thân anh hiện đang làm lái xe kiêm nhân viên thị trường của Công ty TNHH nước giải khát bia H tại thành phố Nha Trang. Anh bắt đầu thử việc từ ngày 20/8/2023 với mức lương là 12.000.000đ/tháng. Công ty có bố trí chỗ ở, do vậy anh hoàn toàn đủ khả năng tài chính. Hiện tại bố mẹ anh đều còn khỏe và sẵn sàng hỗ trợ anh trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L. Trường hợp được quyền nuôi con, anh sẽ để cháu Linh ở cùng ông bà nội tại xã HP, huyện S, tỉnh T cho ông bà chăm sóc hộ, bản thân anh đi làm tại thành phố Nha Trang sẽ gửi tiền về nuôi con. Anh Sơn không có yêu cầu cấp dưỡng.

2.3. Về tài sản, đất đai, nợ chung: Anh S không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/4/2023, ông Nguyễn Văn C là người làm chứng trình bày: Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Hồng S. Anh S và chị N kết hôn vào năm 2019. Sau ngày cưới anh chị về làm ăn, chung sống cùng gia đình ông tại thôn ĐT, xã HP, huyện S được một thời gian ngắn thì hai vợ chồng anh chị cùng nhau đi làm ăn tại H. Thời gian chung sống giữa hai anh chị bình thường, còn việc mâu thuẫn vợ chồng ông không nắm được vì anh chị đi làm ăn xa nhà, thỉnh thoảng mới về. Việc chị N làm đơn xin ly hôn ông không có ý kiến gì. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày .../.../2019. Hiện nay cháu đang ở cùng gia đình ông. Việc giao nuôi con chung ông đề nghị giao cháu L cho anh S nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh Sovà chị N không có.

4. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2023, bà Trần Thị M là người làm chứng trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Hồng S và là mẹ chồng của chị Nguyễn Thị N. Anh Nguyễn Hồng S và chị Nguyễn Thị N đăng ký kết hôn vào năm 2019 theo quy định của pháp luật. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và không bị ai cưỡng ép, lừa dối kết hôn. Sau khi kết hôn thì anh S và chị N đi làm công ty ở HN (Công ty CPN). Khoảng đến tháng 7 năm 2022 thì bà có được biết chị N và anh S phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì bà không nắm được. Sau đó khoảng đến tháng 9 năm 2022 thì anh Sơn xin nghỉ ở công ty chuyển phát nhanh và về ở cùng gia đình bà tại xã HP, huyện S, tỉnh T. Nghề nghiệp hiện tại của anh S là lái xe taxi (xe riêng). Bà được biết vào khoảng tháng 7 năm 2022 thì chị N tự ý dọn đi thuê nhà trọ khác nên hai vợ chồng chính thức ly thân từ đó. Đối với quan hệ hôn nhân của anh S chị N thì bà xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã không thể hàn gắn, do vậy bà hoàn toàn nhất trí cho vợ chồng anh S, chị N ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh S, chị N có 01 con chung tên là Nguyễn Khánh L, sinh ngày .../.../2019. Khi chị N sinh con thì về nhà bà ở đến khi cháu L được 5 tháng tuổi thì bà cùng chị N xuống H ở để chăm cháu. Bà ở cùng cháu được 02 tháng thì vợ chồng chị N gửi cháu L vào trường tư thục. Đến khi cháu được 02 tuổi (khoảng tháng 9 năm 2021) thì tình hình dịch Covid rất căng thẳng, cả chị N và anh S đều bị nhiễm Covid nên chồng bà trực tiếp xuống đón cháu L về để tránh Covid, sau đó thì bà cho cháu đi học trường mầm non xã HL được 01 kỳ thì chị N đón cháu xuống H học được khoảng 02 tháng thì cả vợ chồng con cái về ăn Tết, sau đó để cháu L ở lại. Đến ngày 14 tháng Giêng âm lịch năm 2021 (khoảng tháng 02 năm 2021 dương lịch) thì chị N lại đón cháu đi khoảng 01 - 02 tháng sau lại cho cháu về nghỉ dịch Covid ở nhà bà. Đến bắt đầu vào năm học mới của năm 2022 thì bà lại xin cho cháu đi học trường mầm non xã HP, học được hết 1 kỳ thì chị N lại về đón cháu đi H. Đến ngày 23/12/2022 âm lịch thì anh S đưa cháu L về nhà bà ăn Tết. Bản thân chị N không về nhà chồng mà ở lại nhà bà ngoại ăn Tết. Đến ngày 04 Tết thì chị N đưa cháu L xuống H, đến tháng 4 năm 2023 thì chị N cho cháu L về nhà bà ngoại ở thôn PT, xã HP mục đích cho cháu L ở lại đi học. Do vậy, anh S đã đón cháu L về bên nhà bà và bà xin cho cháu đi học từ đó đến nay. Bản thân bà sinh năm 1973, chồng bà là ông C sinh năm 1969. Hiện tại vợ chồng bà làm ruộng và chăn nuôi, sức khỏe đảm bảo. Gia đình bà hiện có 06 khẩu gồm chồng bà, bà, chị N, anh S, cháu L và con trai út là Nguyễn Hồng H, sinh năm 1998, hiện đang làm ở dưới H. Hiện tại anh S làm lái xe taxi, bản thân bà

có đủ sức khỏe và sẵn sàng hỗ trợ anh S trong việc trông nom, đưa đón cháu L. Do vậy, bà đề nghị Tòa án giao cháu L cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung giữa hai anh chị bà không nắm được.

5. Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2023, bà Cao Thị H là người làm chứng trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị N và là mẹ vợ của anh Nguyễn Hồng S. Chị N và anh S được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục; có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng về làm ăn sinh sống ở thành phố H. Cuộc sống chung thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, xảy ra cãi vã không tháo gỡ, không hóa giải được. Đối với việc chị N có đơn xin ly hôn thì bà là bậc làm cha, làm mẹ, bà không mong muốn chuyện gia đình con cái tan vỡ, tuy nhiên cả N và S đều đã trưởng thành, tương lai của các con do các con quyết định, bà không có ý kiến.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị N và anh S có 01 con chung tên là Nguyễn Khánh L, sinh ngày .../.../2019. Trường hợp vợ chồng ly hôn bà có quan điểm do cháu L là con gái, lại còn nhỏ ở với mẹ sẽ phù hợp hơn, mẹ chăm sóc sẽ tốt hơn, hiện tại chị N có công việc ổn định, có thu nhập ổn định nên điều kiện nuôi con hoàn toàn đảm bảo. Bản thân bà sinh năm 1970, chồng bà là ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1968 đều còn khỏe có thể phụ giúp cháu N nuôi dưỡng, chăm sóc con, đưa đón con đi học. Hiện tại cháu L đang ở cùng mẹ tại H, đi học mẫu giáo dưới đó. Bản thân chị N đi làm ca ngày, mỗi tuần phải làm 01 ca đêm. Cứ hôm nào làm ca đêm thì chị N sẽ báo trước cho bà từ 3-4 ngày bà sẽ chuẩn bị và xuống trông nom cháu L. Do vậy, bà đề nghị Tòa giao cháu L cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

6. Chị Phạm Thị H là người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai có trong hồ sơ thể hiện: Chị và chị Nguyễn Thị N là chị em kết nghĩa, chị H là chị, Nhung là em. Hai chị em đều là Công nhân tại CN Tổng công ty CPN Bưu điện - CTCP tại HN. Do điều kiện hoàn cảnh hai chị em làm ăn xa nhà nên công ty có sắp xếp cho chị H và chị N đi làm ca chéo nhau để cùng đỡ đần việc nhà và chăm sóc con cái giúp nhau. Một tuần N phải làm 01 ca đêm thì hôm N làm ca đêm chị H sẽ làm ca ngày để đêm ở nhà chăm sóc các cháu. Bản thân mẹ đẻ của N là bà Cao Thị Hmỗi tuần đều xuống chăm cháu vào hôm N đi làm ca đêm.

Kết quả xác minh tại thôn ĐT và xã HP, huyện S, tỉnh T cho thấy: Chị N và anh S kết hôn năm 2019 và chung sống bình thường. Đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn thôn không năm rõ. Anh chị N S hiện có 01 con chung. Về mức thu nhập bình quân tại thôn là 39.400.000đ/người/năm.

Đại diện Tổng công ty CPN Bưu điện - CTCP tại Hà Nội cung cấp: Chị Nguyễn Thị N là công nhân khai thác trong nước, đang công tác tại chi nhánh Tổng Công ty CPN bưu điện - CTCP Hà Nội, Mức lương cả năm 2022: 208.289.835đ, mức lương 03 tháng đầu năm 2023: 63.118.863đ bằng 21.039.621đ/tháng. Công việc hiện tại của chị N làm việc theo ca, ca sáng từ 08 giờ 00 phút đến 16 giờ, ca tối từ 20 giờ 30 phút đến 06 giờ 30 phút ngày hôm sau. Do hoàn cảnh hiện tại của chị N có con nhỏ nên công ty tạo điều kiện mỗi tuần chị N chỉ phải làm 01 ca đêm. Hiện tại chị N và chị

Phạm Thị H là chị em kết nghĩa, chị N và chị H có đề xuất công ty tạo điều kiện phân ca chéo nhau để tiện giúp nhau việc nhà và chăm sóc con nhỏ. Do vậy, công ty phân công chị N và chị H trong cùng 1 tổ và không trùng ca. Anh Nguyễn Hồng S là chồng chị N trước kia có làm việc tại công ty nhưng hiện tại đã nghỉ việc.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 53, Điều 55, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định *về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:*

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Nguyễn Thị N: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Hồng S.

- Giao cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày .../.../2019 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Nguyễn Hồng S không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Hồng S đều xác định không đề nghị Tòa án giải quyết do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tố tụng: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hồng S, đồng thời giao quyền nuôi con khi ly hôn; anh S và chị N đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn ĐT, xã HP, huyện S, tỉnh T. Căn cứ theo khoản 1, Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Hồng S có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 30/3/2019 tại UBND xã HP, huyện S, tỉnh T nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo chị N thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021, còn anh S xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022. Cả hai đương sự đều xác định không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn không thể hòa giải được và đã chính thức ly thân từ tháng 7 năm 2022. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, cả hai đương sự đều

thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thỏa thuận ly hôn giữa hai vợ chồng. Do vậy, cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Hồng S.

[2.2] Về con chung: Qúa trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày .../.../2019. Hiện nay cháu L đang ở cùng chị N và học trường Mầm non ở thành phố H. Qúa trình giải quyết vụ án chị N và anh S đều thể hiện quan điểm muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con và không có yêu cầu về cấp dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng, nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của cả hai đương sự đều chính đáng, tuy nhiên, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử nhận định: Hiện tại chị N đang là công nhân tại Tổng công ty CPN Bưu điện - CTCP tại Hà Nội với mức lương 17.357.486đ/tháng (208.289.835đ/năm); Hợp đồng lao động không xác định thời hạn; Địa điểm làm việc tại xã KC, huyện ĐA, thành phố H; Thời gian làm việc theo ca, mỗi tuần phải làm 01 ca đêm. Khi làm ca đêm thì có chị H là chị gái và mẹ đẻ chị N hỗ trợ việc trông con. Hiện tại hai mẹ con thuê nhà trọ và đã đăng ký tạm trú theo quy định. Do vậy có thể xác định công việc và thu nhập của chị N là ổn định. Tại phiên tòa anh S xác định, hiện tại anh làm lái xe kiêm nhân viên thị trường của Công ty TNHH nước giải khát bia HN có trụ sở tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, mức lương cơ bản là 12.000.000đ/tháng chưa bao gồm lương theo doanh số. Anh bắt đầu thử việc vào ngày 20/8/2023, hiện tại chưa ký hợp đồng lao động với Công ty nên anh không cung cấp được tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Mặc dù hiện tại cháu L đã hơn 36 tháng, nhưng xét thấy cháu còn nhỏ, lại là con gái cần được sự chăm sóc của mẹ (tính đến ngày xét xử mới vừa tròn 04 tuổi). Xét điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của cả hai bên đương sự, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu L cần giao cháu L cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Hồng S đều xác định không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Nhung phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

* *Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Nhung về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* đối với anh Nguyễn Hồng Sơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Hồng S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày .../.../2019 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Hồng S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002385 ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Nguyễn Hồng S không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Hồng S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Lượng - Hoàng Thanh Nghệ **Phạm Thị Thùy Trâm**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- UBND xã HP, huyện S;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thùy Trâm